

Bản án số: 397/2020/HS-ST

Ngày 18 - 9 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Hoàng Anh.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Thanh

2. Bà Hàn Hòa Thuận

3. Bà Phạm Đức My Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Mai Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 489/2020/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4458/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Hồ Thanh T, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1985 tại Bình Phước; nơi ĐKTT: tổ 4, khu phố Phú Lộc, phường P, thị xã Bình L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Giám đốc - Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại dịch vụ Tiến Bộ SATNAM; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Kim L; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 26/12/2019 “có mặt”.

Người bào chữa: Bà Hoàng Thị K, Luật sư công ty TNHH Lưu Vũ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo “có mặt”.

Bị hại: Công ty SATNAM SDN.BHD, địa chỉ trụ sở chính: Suite 07-07 Menara TKSS, No.206 Jalan Segambut 51200 Kuala Lumpur, Malaysia.

Người đại diện theo pháp luật: Ông GURSHARAN KAUR NARULA @ NINA NARULA, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: 90B Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 28/7/2020) “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đào Duy T1, sinh năm 1988, địa chỉ: 946 Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: 159/57 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

2. Ông Hoàng Đức K, sinh năm 1966, địa chỉ thường trú: tổ 3, khu phố 7, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

3. Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại dịch vụ Tiến Bộ SATNAM, địa chỉ trụ sở: 10B đường số 20, khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ sở hữu: Nguyễn Hồ Thanh T, địa chỉ: tổ 4, khu phố Phú Lộc, phường Phú Đ, thị xã Bình L, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty SATNAM SDN.BHD (sau đây gọi tắt là Công ty Satnam), là doanh nghiệp của Malaysia, trụ sở tại Suite 07 - 07 Menara TKSS No.206 Jalan Segambut 51200, Kuala Lumpur, Malaysia, do bà Gursharan Kaur Narula là Giám đốc, ông Bupinder Singh A/L Avatar Singh (có tên gọi khác là Bhupinder Singh Pasricha, Bupinder Singh Avatar Singh, sau đây gọi tắt là ông Bupinder) là Trưởng Phòng xuất nhập khẩu, được phân công kinh doanh tại thị trường Châu Á.

Vào năm 2013, thông qua trang điện tử Alibaba.com (trang mạng của Trung Quốc, chuyên phục vụ cho các công ty có nhu cầu mua bán, quảng cáo), ông Bupinder quen biết với Nguyễn Hồ Thanh T. Thời điểm này, T làm việc chuyên về xuất nhập khẩu và có đăng bán sản phẩm lên trang Alibaba.com, T nhiều lần thu mua, bán găng tay y tế tại tỉnh Bình Dương xuất khẩu sang Malaysia với ông Bupinder.

Khoảng tháng 10/2014, do Công ty Satnam có nhu cầu mua 15.000 kg hạt điều từ Việt Nam để bán cho khách hàng tại Anh, nên ông Bupinder thỏa thuận để T tiến hành thu mua hạt điều tại Việt Nam, sau đó chuyển thẳng cho khách hàng của Công ty Satnam tại Southampton, Anh. Để có pháp nhân thực hiện thỏa thuận với Công ty Satnam, Nguyễn Hồ Thanh T đã thành lập và đứng tên là người đại diện pháp luật Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tiến Bộ Satnam (sau đây gọi tắt là Công ty Tiến

Bộ), được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312861678 ngày 18/7/2014.

Ngày 27/10/2014, Công ty Satnam và Công ty Tiến Bộ lập Thỏa thuận số TB-SAT 02-2710/2014 ngày 27/10/2014 với nội dung: Công ty Satnam sẽ chuyển trước 20% tổng số tiền đơn hàng cho Công ty Tiến Bộ để đặt cọc, khi Công ty Tiến Bộ gửi tài liệu xác định đã giao hàng cho khách hàng của Công ty Satnam (thông qua tải tập tin đính kèm thư điện tử), Công ty Satnam sẽ thanh toán 80% tổng số tiền đơn hàng còn lại cho Công ty Tiến Bộ, hình thức thanh toán là chuyển tiền vào tài khoản số 200214851213972 của Công ty Tiến Bộ, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Eximbank) - Phòng giao dịch Thanh Đa.

Sau đó, ông Bupinder cử con trai (T không nhớ rõ tên) sang Việt Nam gặp T để liên hệ nơi sản xuất, đóng gói hàng. T liên hệ và dẫn con trai ông Bupinder đến kho hàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu Hoàng K (sau đây gọi tắt là Công ty Hoàng K), địa chỉ: Tổ 3, Khu phố 7, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, là công ty chuyên cung cấp hạt điều tại tỉnh Bình Phước) để xem nơi sản xuất lô hàng sẽ xuất sang Anh, thì được T báo rằng chỉ có 750 thùng hạt điều, tương đương với 14.400 kg, có giá là 99.360 USD, nên T có gửi thư điện tử “Hóa đơn chiếu lệ” cho ông Bupinder để chỉnh sửa số lượng hàng hóa từ 15.000 kg thành 14.400 kg và giá trị đơn hàng là 99.360 USD. Thực tế, T chỉ dẫn con trai ông Bupinder đến Công ty Hoàng K tham quan, không có ký kết hay bất cứ thỏa thuận đặt mua hàng là hạt điều với Công ty Hoàng K. Việc dẫn con trai ông Bupinder tới Công ty Hoàng K chỉ nhằm mục đích cho ông Bupinder tin rằng T có đặt hàng cho đơn vị cung cấp, có kho hàng và nơi sản xuất hàng hóa cụ thể, để tiến hành các thỏa thuận với ông Bupinder, việc thỏa thuận và các yêu cầu trao đổi đều được T và ông Bupinder thực hiện chủ yếu qua điện thoại, thư điện tử, không gặp mặt ký hợp đồng trực tiếp, do ông Bupinder ở Malaysia.

Theo thỏa thuận, Công ty Satnam thanh toán cho Công ty Tiến Bộ thành 03 đợt: ngày 10/11/2014 thanh toán 16.000 USD, ngày 25/11/2014 thanh toán 4000 USD, ngày 22/12/2014 thanh toán 4000 USD. Tổng số tiền thanh toán là 24.000 USD, tương ứng với 20% tổng số tiền đơn hàng. Sau khi nhận 20% tiền thanh toán của đơn hàng, Công ty Tiến Bộ phải giao hàng cho đối tác của Công ty Satnam tại Southampton, Anh và gửi tài liệu xác định đã giao hàng cho Công ty Satnam, bao gồm: Hóa đơn thương mại; Phiếu đóng gói hàng hóa; Bảng báo cáo, phân tích của SGS (chứng nhận kiểm định chất lượng quốc tế của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Nông Sản Quốc tế); Giấy chứng nhận khử trùng; Vận đơn đường biển (bắt buộc có để cung cấp cho chủ tàu để nhận hàng), Giấy chứng nhận kiểm định thực vật (bắt buộc để hải quan kiểm định) sẽ được thanh toán số tiền còn lại theo thỏa thuận.

Sau khi nhận được tiền, T không đặt mua hạt điều với Công ty Hoàng K, nhưng đặt mua một số thùng thiếc dùng để đóng hạt điều gửi nhờ tại Công ty

Hoàng K; Khi ông Bupinder qua Việt Nam, T đưa đến Công ty Hoàng K để ông Bupinder thấy và tin tưởng T đang thực hiện mua và chuẩn bị xuất hạt điều như thỏa thuận. Số tiền tương đương 20% giá trị hợp đồng nhận T sử dụng cá nhân và chơi cá độ bóng đá. Muốn nhận được 80% giá trị hợp đồng còn lại, T tiến hành làm giả các chứng từ, gồm: Giấy chứng nhận khử trùng số HCM-2076/VFC-PB ngày 09/12/2014 của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam, Chi nhánh Miền Bắc; Vận đơn số SGNSOUTP42322961 thể hiện hàng hóa là 14.600 kg hạt điều đã chất lên tàu Viễn dương Cosco FAITH 0013w ngày 11/12/2014 để vận chuyển qua Anh; Vận đơn thể hiện hàng hóa 14.600 kg hạt điều được đóng trên container số EISU 2252181, nhãn hiệu EMCGJ5433; Hóa đơn thương mại do Công ty Tiến Bộ xuất cho Công ty Satnam và gửi toàn bộ tài liệu này cho ông Bupinder bằng thư điện tử. Vì đây là các tài liệu giả không có bản thật nên T nói dối sẽ bổ sung cho Công ty Satnam sau; thực chất T không mua hàng và cũng không có hàng để xuất sang Anh. Do tin tưởng những tài liệu T gửi nêu trên là thật, nên ngày 06/01/2015, Công ty Satnam đã chuyển khoản số tiền 75.360 USD (80% tổng số tiền đơn hàng còn lại) vào tài khoản cho Công ty Tiến Bộ theo đúng thỏa thuận hợp đồng.

Phía khách hàng tại Anh của Công ty Satnam đến hạn không nhận được hàng báo Công ty Satnam liên hệ mới biết tiền chuyển thanh toán mua hàng cho Công ty Tiến Bộ đã bị T rút ra chiếm đoạt, không có khả năng hoàn trả, nên ông Bupinder có đơn tố cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng Eximbank: thông qua Ngân hàng CIMB BANK (Malaysia) Công ty Satnam đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản Công ty Tiến bộ với nội dung chuyển tiền cho Thỏa thuận số TB-SAT02-2710/2014. Thể hiện sau mỗi lần Công ty Satnam chuyển tiền, T đã lần lượt trực tiếp rút tiền mặt 04 lần tại Ngân hàng Eximbank - Phòng giao dịch Thanh Đa chiếm đoạt thực tế số tiền 99.108 USD, tương đương 2.113.869.630 đồng (số tiền có chênh lệch do bị trừ vào phí chuyển tiền), cụ thể:

- Ngày 12/11/2014, rút 15.946 USD, tương đương 339.251.150 đồng;
- Ngày 27/11/2014, rút 3.900 USD, tương đương 83.421.000 đồng;
- Ngày 23/12/2014, rút 3.970 USD, tương đương 84.799.200 đồng;
- Ngày 09/01/2015, rút 75.292,37 USD, tương đương 1.606.731.280 đồng.

Khi khách hàng tại Anh của Công ty Satnam có phản hồi chưa nhận được hàng theo những tài liệu mà Công ty Tiến Bộ đã gửi, Công ty Satnam liên hệ với T thì T thừa nhận tự làm giả các tài liệu nêu trên cung cấp cho Công ty Satnam để chiếm đoạt toàn bộ số tiền 99.360 USD, xin cho thời hạn để hoàn trả tiền, Công ty Satnam đã nhiều lần liên hệ với T để yêu cầu trả lại số tiền trên (chủ yếu trao đổi qua thư điện tử). Đến ngày 21/01/2015, tại trụ sở Công ty Tiến Bộ, T đã trả lại cho ông Bupinder số tiền 30.000.000 đồng (phía bị hại

không xác nhận số tiền này), tự viết “Giấy cam kết” với Công ty Satnam và nhờ người quen tên Đào Duy T1 ký xác nhận giúp chuyển gởi cho ông Bupinder. Toàn bộ số tiền Công ty Satnam chuyển cho Công ty Tiến Bộ, Nguyễn Hồ Thanh T rút ra sử dụng cá nhân và chơi cá độ đá banh hết, không có khả năng hoàn trả.

Ngày 30/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để giám định chữ viết, chữ ký của Nguyễn Hồ Thanh T trên tài liệu “Giấy cam kết” do T tự viết và tài liệu thu thập được tại Ngân hàng Eximbank, Chi cục Thuế quận Thủ Đức. Ngày 20/4/2018, Kết luận giám định số 485/KLGD-TT của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ viết và chữ ký trên “Giấy cam kết” so với chữ ký thu giữ tại Ngân hàng Eximbank và Chi cục Thuế quận Thủ Đức là do cùng một người viết ra.

Ngày 15/5/2018, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can số 335/QĐ-VKS-P3 và Quyết định phê chuẩn Lệnh bắt bị can để tạm giam số 27/QĐ-VKS-P3 đối với Nguyễn Hồ Thanh T. Ngày 18/5/2018, Cơ quan điều tra thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam tại Công an phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, chính quyền và gia đình của T cho biết: từ năm 2014, T không sống cùng gia đình, đi đâu địa phương không rõ, gia đình không liên lạc được, hiện không biết ở đâu. Do đó, ngày 22/5/2018, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã bị can số 33-60 đối với Nguyễn Hồ Thanh T và thực hiện các thủ tục truy nã bị can theo quy định.

Ngày 26/12/2019, Nguyễn Hồ Thanh T bị Công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện và bắt giữ, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hồ Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty Satnam như nội dung nêu trên, riêng hành vi làm giả chứng từ T đã thực hiện như sau: Sử dụng máy vi tính cá nhân soạn thảo các nội dung tài liệu, sử dụng máy in ra giấy rồi ký tên và sử dụng con dấu của Công ty Tiến Bộ đóng vào Vận đơn thể hiện hàng hóa 14.600 kg hạt điều được đóng trên Container số EISU 2252181, nhãn hiệu EMCGJ5433 và Hóa đơn thương mại do Công ty Tiến Bộ xuất cho Công ty Satnam; Đối với Giấy chứng nhận khử trùng số HCM-2076/VFC-PB ngày 09/12/2014 của Công ty cổ phần Khử Trùng Việt Nam Chi nhánh Miền Bắc, T soạn thảo nội dung tài liệu, lên mạng tìm tài liệu cắt phần chữ ký mang tên “Đỗ Phú Thủy”, hình dấu và tiêu đề của Công ty cổ phần Khử Trùng Việt Nam Chi nhánh Miền Bắc và cắt dán vào văn bản; đối với Vận đơn số SGNSOUTP42322961 thể hiện hàng hóa là 14,600 kg hạt điều đã chất lên Tàu viễn dương COSCO FAITH 0013W ngày 11/12/2014. Sau khi soạn thảo các tài liệu trên, T sử dụng máy scan tài

liệu thành tập tin định dạng hình ảnh văn bản (file PDF) và gửi thư điện tử có đính kèm tập tin này cho ông Bupinder.

Đối với 02 hóa đơn chiếu lệ, T soạn thảo nội dung sau khi thỏa thuận với ông Bupinder, sử dụng máy in ra giấy rồi ký tên và dùng dấu của Công ty Tiến Bộ đóng lên, sau đó scan thành tập tin hình ảnh gửi thư điện tử cho ông Bupinder. Sau khi, ông Bupinder nhận được thư điện tử, in ra đóng dấu đóng dấu của Công ty Satnam và scan tài liệu này gửi ngược lại cho T xác nhận thỏa thuận. Do thỏa thuận ban đầu mua bán là 15.000 kg, nhưng nếu đóng thùng thiếc trọng lượng và khối lượng theo kích cỡ xuất khẩu quốc tế khi đóng gói thành phẩm thì trọng lượng chiết tính sẽ là 14.600 kg hạt điều, nên T phải chỉnh sửa làm lại hóa đơn chiếu lệ khác để thông báo cho ông Bupinder (dẫn đến chứng từ mua bán có đến 02 hóa đơn chiếu lệ).

Máy vi tính cá nhân, máy in và máy scan Nguyễn Hồ Thanh T dùng để làm giả các tài liệu nêu trên khi lần tránh đã bán lấy tiền tiêu xài hết. Đồng thời, do còn thiếu tiền của một người quen qua mạng tên Ngô Quốc Khánh (không rõ nơi cư trú, chỉ biết ở Bình Dương), nên T đã đưa con dấu của Công ty Tiến Bộ cho Khánh giữ để làm tin. Riêng toàn bộ các tài liệu T đã làm giả nêu trên, do di chuyển sinh sống nhiều nơi nên T đã làm thất lạc. Các tập tin hình ảnh, tập tin định dạng văn bản T làm giả gửi thư điện tử cho ông Bupinder còn được lưu trữ trong hộp thư điện tử (trong phần thư đã gửi) của T tại andytung0411@gmail.com, hộp thư điện tử này chỉ có một mình T sử dụng và không ai khác biết mật khẩu để sử dụng.

Tiến hành trích xuất nội dung từ hộp thư điện tử andytung0411@gmail.com, kết quả: có các tài liệu T làm giả chuyển cho ông Bupinder, đã in và cho T ký xác nhận vào các tài liệu này, tổng cộng có 65 (sáu mươi lăm) tờ.

Phần lớn tiền chiếm đoạt, T sử dụng để cá độ bóng đá trên trang mạng internet có tên 188bet (không nhớ địa chỉ chính xác) và sử dụng tiêu xài cá nhân. T khai đánh bạc hình thức như sau: vào năm 2009, qua bạn bè T biết mạng internet có trang 188bet là mô hình cá cược thể thao, T sử dụng chứng minh nhân dân và số điện thoại (không nhớ rõ vì đã bỏ từ lâu) để đăng ký tài khoản trên trang mạng này tham gia cá cược bóng đá. Sau khi đăng ký thành công, nhân viên trực tuyến có cung cấp cho T thông tin tài khoản ngân hàng để khi có nhu cầu cá cược bóng đá, sẽ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng này (tương ứng với số tiền được hiển thị trong tài khoản trang mạng mà T đã đăng ký). Trường hợp T muốn rút tiền trong tài khoản trang mạng, thì sẽ liên lạc với nhân viên trực tuyến, sau đó sẽ có người đến xác nhận đưa tiền cho T. Từ năm 2015, T không còn chơi cá cược trên trang mạng này nữa, không nhớ thông tin tài khoản, số điện thoại của các đối tượng đưa, nhận tiền cá cược bóng đá cho T do mỗi lần là tên chủ tài khoản và ngân hàng khác nhau.

Ông Bupinder Singh A/L Avatar Singh (có tên gọi khác là Bhupinder Singh Pasricha, Bupinder Singh Avatar Singh) tố cáo: thông qua việc đã trao

đổi mua bán nhiều mặt hàng trên mạng với Nguyễn Hồ Thanh T, nên rất tin tưởng trong việc kinh doanh với T, khi Công ty Satnam có đơn hàng cung cấp hạt điều cho nước Anh, ông Bupinder trao đổi thỏa thuận với T về đơn hàng này, T đồng ý sẽ tiến hành thu mua hạt điều tại Việt Nam sau đó làm thủ tục xuất thẳng sang cho khách hàng Công ty Satnam tại Southampon, Anh (vì nếu xuất sang Malaysia rồi mới chuyển tiếp đến Anh thì sẽ tốn phí vận chuyển nhiều hơn). Việc thỏa thuận, đưa ra các yêu cầu giữa Công ty Satnam và T (Công ty Tiến Bộ) chủ yếu qua điện thoại, thư điện tử, việc T lợi dụng sự tin tưởng và khoảng cách địa lý giữa 02 nước để làm giấy tờ tài liệu giả thể hiện đã chuyển hàng xuất khẩu xong để chiếm đoạt số tiền 99.360 USD của Công ty Satnam như nội dung đã tố cáo.

Tại Cơ quan điều tra, Đào Duy T1 khai: năm 2014, T1 quen biết T do làm Giám đốc Công ty Tiến Bộ có trụ sở cạnh Công ty Vận tải Đường biển Oscar Logistics (nơi T1 làm việc), đồng thời T cũng nhiều lần hợp đồng với Công ty Oscar Logistics vận chuyển hàng xuất, nhập khẩu, nên T1 xem T như bạn thân. Trong năm 2014 (không nhớ rõ thời gian chính xác), T có hỏi T1 về các công ty xuất khẩu hạt điều ở Việt Nam, nên T1 có cho T một số tên công ty và số điện thoại liên lạc của một số đơn vị chuyên cung cấp hạt điều, trong đó có Công ty Hoàng K. Sau đó, T1 có đi cùng T và một người nước ngoài đi cùng T đến Công ty Hoàng K để đặt vấn đề mua hạt điều, nhưng nội dung trao đổi cụ thể như thế nào thì T1 không rõ. Đến ngày 21/01/2015, khi ông Bupinder và luật sư đến Công ty của T to tiếng thì T có kể cho T1 nghe việc dùng giấy tờ giả để lấy tiền khách hàng là ông Bupinder để đầu tư kinh doanh đất đai, nên nhờ T1 cùng ký tên vào giấy cam kết để ông Bupinder tin tưởng không trình báo công an, kéo dài thời gian cho T để kiếm tiền trả lại, T cam kết với T1 chỉ vài ngày là có tiền trả. Tin lời T nói là thật nên T1 đồng ý ký chung giấy cam kết với T về việc hẹn hoàn trả tiền. Sau này T1 mới biết T thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tiền của ông Bupinder để đi đánh bạc. Khi ký giấy cam kết với T, T1 không được T hứa hẹn trả công hay hưởng lợi gì, đồng thời T1 cũng bị T mượn tiền tiêu xài cá nhân, đến nay vẫn chưa hoàn trả.

Ông Hoàng Đức K - Giám đốc Công ty Hoàng K, khai: khoảng cuối năm 2014 đến đầu năm 2015, T có đi cùng một người nước ngoài (giới thiệu là con trai ông Bupinder, khách hàng của T) và người tên T1 đến Công ty Hoàng K để đặt vấn đề mua hạt điều để xuất khẩu. Lúc này, ông K chủ yếu trao đổi với T về việc mua hạt điều phải đặt cọc trước 20% số tiền hàng, sau đó khi nhận hàng tại kho thì phải thanh toán đầy đủ 80% số tiền còn lại. Tuy nhiên, sau lần xem và trao đổi đó thì T không liên lạc ký hợp đồng hoặc chuyển tiền cọc với Công ty Hoàng K, mà chỉ cho người chuyển một số lượng thùng thiếc nói nhờ gửi dùng để sau này đóng hạt điều. Khoảng 10 ngày sau, T lại đi cùng ông Bupinder đến Công ty Hoàng K và cho biết dẫn khách đi xem nguồn hàng. Đến đầu năm 2015, có người tự xưng là người của ông Bupinder liên lạc với ông K, báo T đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Bupinder. Như vậy, từ năm 2014 đến năm 2015, T gặp ông K chỉ trao đổi hỏi thăm thông tin về việc giá

mua bán hạt điều xuất khẩu, đưa khách hàng là người nước ngoài đến tham quan Công ty để xem hoạt động kinh doanh, nguồn hàng của đơn vị, Công ty Hoàng K không hề ký hợp đồng hay cam kết mua bán hạt điều xuất khẩu với Công ty Tiến Bộ hoặc với Nguyễn Hồ Thanh T. Sau khi bị T lừa đảo chiếm đoạt tiền, thì từ năm 2015 đến nay ông Bupinder đã trực tiếp ký hợp đồng mua bán hạt điều xuất khẩu với Công ty Hoàng K không thông qua bất cứ ai giới thiệu.

Qua xác minh tại Công ty cổ phần Khử Trùng Việt Nam, Công ty TNHH Oscar Logistics, được biết: Giấy chứng nhận khử trùng hạt điều và vận đơn đường biển mà Công ty Tiến bộ cung cấp cho Công ty Satnam đều không phải do hai Công ty này phát hành.

Vật chứng:

- Bản chính 01 Tờ khai đăng ký thực hiện hình thức kế toán và sử dụng hóa đơn, 01 Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tiến Bộ Satnam (theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 12/3/2018 tại Chi cục Thuế quận Thủ Đức);

- Bản chính 01 Giấy đăng ký thông tin tài khoản của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tiến Bộ Satnam (theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 08/02/2018 tại Ngân hàng Eximbank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch Thanh Đa);

- Bản chính 01 Giấy cam kết viết tay ngày 21/01/2015 do Nguyễn Hồ Thanh T viết và ký tên, có chữ viết, chữ ký của Đào Duy T1 (kèm theo hồ sơ vụ án).

Biện pháp tư pháp: buộc Nguyễn Hồ Thanh T bồi thường số tiền 2.113.869.630 đồng cho Công ty Satnam.

Tại bản cáo trạng số 373/CTr-VKS-P2 ngày 17/8/2020, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 33 và Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T từ 14 đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2019.

Biện pháp tư pháp: buộc Nguyễn Hồ Thanh T phải trả lại số tiền 2.113.869.630 đồng cho Công ty Satnam.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất với quan điểm truy tố về tội danh và điều khoản của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo 20% của số tiền 2.113.869.630 đồng là quan hệ dân sự do ban đầu bị cáo chưa có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại. Sau đó, bị cáo lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên mới phạm tội, gia đình có ông ngoại là người có công cách mạng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả là 30.000.000 đồng, chưa có tiền án, tiền sự, phía bị hại cũng có lỗi nên áp dụng dưới khung hình phạt, xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo không bổ sung thêm phần trình bày bào chữa của luật sư.

- Kiểm sát viên đối đáp: bị cáo không có đủ năng lực về kinh tế để thực hiện việc cung ứng hạt điều cho phía bị hại nên đã có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại ngay từ đầu; ngoài tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự thì các tình tiết giảm nhẹ mà luật sư nêu ra là không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

- Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa.

- Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T tại phiên tòa cơ bản phù hợp với đơn tố cáo, vật chứng đã được thu giữ, kết luận giám định, lời khai cũng như bản tự khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Khoảng tháng 10/2014, thông qua mối quan hệ kinh doanh, lợi dụng sự tin tưởng của ông Bupinder, Trưởng Phòng xuất nhập khẩu đại diện Công ty SATNAM SDN.BHD (sau đây gọi tắt là Công ty Satnam) về việc Nguyễn Hồ Thanh T có khả năng thu mua hạt điều xuất khẩu của các Công ty chuyên xuất khẩu hạt điều tại Bình Phước, để xuất khẩu theo yêu cầu của Công ty Satnam. Mặc dù chỉ mới tham quan, trao đổi về giá, nguồn hàng hạt điều xuất khẩu với Công ty Hoàng K, không ký kết hoặc thỏa thuận mua hàng từ Công ty Hoàng K, nhưng T nói dối ông Bupinder là đã thỏa thuận được việc mua hạt điều từ Công ty Hoàng K để xuất khẩu sang Anh cho Công ty Satnam. Để ông Bupinder tin là thật, T đã đưa con trai ông Bupinder và ông Bupinder đến Công ty Hoàng K để tham quan kho hàng, quy trình đóng gói sản xuất của Công ty Hoàng K, nhưng nói dối là đang sản xuất nguồn hàng cho T (đại diện Công ty Tiến Bộ) để chuẩn bị bán cho Công ty Satnam. Sau khi nhận tiền đặt cọc mua hàng, T không thực hiện như thỏa thuận mà sử dụng cá nhân. Để tiếp tục chiếm đoạt tiền hàng còn

lại của Công ty Satnam, T làm giả Hóa đơn thương mại; Phiếu đóng gói hàng hóa; Bảng báo cáo, phân tích của SGS (chứng nhận kiểm định chất lượng quốc tế của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Nông Sản Quốc tế); Giấy chứng nhận khử trùng; Vận đơn đường biển, Giấy chứng nhận kiểm định thực vật để Công ty Satnam làm tường T đã chuyển hàng cho đối tác của Công ty Satnam tại Southampton, Anh, nên đã chuyển khoản số tiền còn lại của đơn hàng theo thỏa thuận cho Nguyễn Hồ Thanh T. Từ ngày 12/11/2014 đến 09/01/2015 tổng số tiền Nguyễn Hồ Thanh T đã chiếm đoạt của Công ty Satnam là 99.360 USD (tương đương số tiền 2.113.869.630 đồng thực tế đã rút và chuyển đổi tại Ngân hàng Eximbank, số tiền có chênh lệch 252 USD là do bị trừ vào phí chuyển tiền), T sử dụng số tiền này cá độ bóng đá thua và tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn không hoàn tiền lại cho Công ty Satnam. Vì vậy, Công ty Satnam đã làm đơn tố cáo hành vi dùng thủ đoạn gian dối của Nguyễn Hồ Thanh T để chiếm đoạt số tiền trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (đơn ghi ngày 10/6/2016 hợp pháp hóa lãnh sự ngày 14/12/2016).

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, trật tự, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư trong nước đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình nhưng do vụ lợi cá nhân nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 2.113.869.630 đồng là dấu hiệu định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (có khung hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân).

Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về hình phạt đặt ra đối với bị cáo phải nghiêm, là hình phạt tù có thời hạn mới đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Xét Đào Duy T1, Hoàng Đức K không liên quan đến vụ án là có cơ sở.

[2] Xét cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T về khung, điều luật và tội danh như đã viện dẫn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với lập luận tại đoạn [1] Hội đồng xét xử chấp nhận phần luận tội của Kiểm sát viên, và một phần đề nghị của luật sư về các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt còn các đề nghị còn lại là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của họ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Xét các biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng, án phí:

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 2.113.869.630 đồng cho Công ty SATNAM SDN.BHD theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Các vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án theo quy định.

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 33 và Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2019.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 2.113.869.630 đồng (Hai tỉ, một trăm mười ba triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi đồng) cho Công ty SATNAM SDN.BHD.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 74.277.393 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại tạm giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đại diện HP của Bị hại; (1)
- Người có QL và NVLQ; (2)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA Tp. HCM; (1)
- Người bào chữa; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Nam